

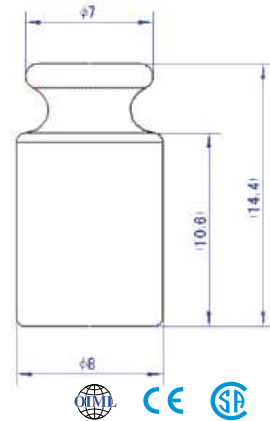
Quả cân F1-5 g

Hãng sản xuất: Changzhou Accurate Weight Co.,Ltd

Quả cân F1-5 g

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- Cấp chính xác F1: không hốc điều chỉnh.
- Theo tiêu chuẩn đo lường quốc tế OIML.
- Theo tiêu chuẩn đo lường ĐLVN 50:2009.
- Hiệu chuẩn chuẩn theo đo lường ĐLVN 286:2015.
- Chất liệu: INOX 304 (thép không gỉ).
- Hộp đựng: Nhựa ABS màu trắng
- Định danh: **5 g**
- Sai số cho phép (+/-): 0.16 mg
- Khối lượng riêng: $7.9 \text{ g} / \text{cm}^3$
- Từ tính: $\leq 25 \mu\text{T}$
- Kích thước quả cân: ($\varnothing 8 \times$ chiều cao 14,4) mm
- Ứng dụng: Kiểm định /hiệu chuẩn cân cấp chính xác I và II, III) Kiểm tra nội bộ cho cân thông dụng, cân phân tích, cân kỹ thuật.



Thông số kỹ thuật:

MODEL	F1-5 g
Định danh	5 g
Hốc điều chỉnh	Không hốc điều chỉnh
Chất liệu	Inox 304 (thép không gỉ)
Hình dạng	Hình trụ tròn
Sai số cho phép (+/-)	0.16 mg
Khối lượng riêng	$7.9 \text{ g} / \text{cm}^3$
Từ tính	$\leq 25 \mu\text{T}$
Kích thước quả	($\varnothing 8 \times$ chiều cao 14,4) mm
Kích thước hộp	($\varnothing 39 \times$ chiều cao 56) mm
Hộp đựng	Hộp nhựa ABS màu trắng
Hiệu chuẩn	ĐLVN 50:2009 hoặc ĐLVN 286:2015
Trọng lượng	0.025 kg
Mã hàng	520216

F1-5 g Calibration Weights

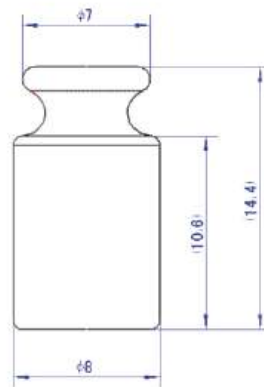
Manufacturer: Changzhou Accurate Weight Co.,Ltd

F1-5 g Calibration Weights

Product Description

- OIML: F1
- Value: 5 g
- Shape: Cylindrical
- Structure: Solid
- Material: Stainless Steel
- Density: 7.90 g/cm³;
- Magnetic Susceptibility: <0.08
- Package: ABS box
- Calibration: ĐLVN 50:2009 or ĐLVN 286:2015
- Tolerance: ± 0.16 mg
- Weight Dimensions: (Ø8 x 14,4) mm

Applications: Verification and calibration of Class I, II, and III weighing instruments; internal testing of general-purpose scales, analytical balances, and precision balances.



Product Description:



OIML	F1
Value	5 g
Structure	Solid
Material	Stainless Steel
Shape	Cylindrical
Tolerance (+/-)	0.16 mg
Density	7.9 g / cm ³
Magnetic Susceptibility	<0.08
Weight Dimensions	(Ø8 x 14,4) mm
Box Dimensions	(Ø39 x 56) mm
Package	ABS box
Calibration	ĐLVN 50:2009 or ĐLVN 286:2015
Gross Weight	0.025 kg
Order code	520216